

Số: **718**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý tài chính
đối với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 21/01/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1866/TTr-STNMT ngày 18/4/2023 và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1340/STC-HCSN ngày 04/5/2023 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 20/04/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung thu, chi và mức chi phục vụ hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTN496.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-UBND ngày 09/5/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Quỹ BVMTQN)
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quỹ BVMTQN là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Quỹ BVMTQN hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ BVMTQN chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ bởi cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

Điều 4. Chế độ trách nhiệm

Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ BVMTQN chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, và chấp hành các chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán.

Chương II

QUẢN LÝ VỀ NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA QUỸ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Điều 5. Vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ tối thiểu là 30 tỷ đồng, việc tăng vốn điều lệ để đảm bảo vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 159 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Quỹ đầu tư phát triển;

c) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

d) Vốn khác thuộc chủ sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Sử dụng vốn

Quỹ BVMTQN được sử dụng vốn để:

1. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường.

2. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án bảo vệ môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các Bộ, ngành, địa phương chi hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, khoản chi liên quan phục vụ cho hoạt động của Quỹ BVMTQN (nguồn Quỹ đầu tư phát triển).

5. Sử dụng vốn nhàn rỗi (bao gồm: vốn hoạt động của Quỹ, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường,...) để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

Điều 7. Bảo đảm an toàn vốn

1. Quỹ BVMTQN có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động, gồm:

a) Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả;

b) Mua bảo hiểm tài sản và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;

c) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

d) Thực hiện các biện pháp khác về đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm Quỹ BVMTQN:

a) Huy động vốn dưới hình thức nhận tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay thương mại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh không được phép khác.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN KÝ QUỸ TẠI** **QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI**

Điều 8. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ phải được quản lý và sử dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn gốc, trả tiền lãi ký quỹ theo đúng quy định và tự cân đối bù đắp chi phí quản lý cho hoạt động nhận ký quỹ của Quỹ BVMTQN.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ phải được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ BVMTQN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quản lý tiền ký quỹ

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi phải mở tài khoản riêng theo dõi, quản lý tiền ký quỹ.

2. Tiền ký quỹ được Quỹ BVMTQN được gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo nguyên tắc phải đảm bảo bảo toàn vốn gốc, bù đắp chi phí trả lãi cho bên ký quỹ và chi phí quản lý đối với hoạt động nhận ký quỹ của Quỹ BVMTQN.

3. Lãi suất và kỳ hạn gửi tiền tại ngân hàng thương mại do Quỹ BVMTQN thỏa thuận với ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

4. Lãi suất ký quỹ:

4.1. Giai đoạn từ ngày 31/3/2015 trở về trước: Bên ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất không kỳ hạn tại ngân hàng thương mại đối với số dư tiền ký quỹ theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

4.2. Giai đoạn từ ngày 01/4/2015 trở về sau: Bên ký quỹ được hưởng lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; khoản 7 Điều 37 của Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, các mức cho vay ưu đãi đối với các dự án cho vay vốn tại Quỹ trong từng giai đoạn cụ thể:

a) Mức lãi suất hoàn trả ký quỹ được tính theo lãi suất cho vay của Quỹ và áp dụng cho toàn bộ số dư tiền ký quỹ;

b) Trường hợp Quỹ cho vay nhiều dự án với các mức lãi suất khác nhau thì tiền lãi hoàn trả ký quỹ được tính bằng mức lãi bình quân số học của các mức lãi suất cho vay đó;

c) Trường hợp Quỹ chưa thực hiện hoạt động cho vay thì lãi suất hoàn trả tiền ký quỹ áp dụng lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tại thời điểm ký quỹ;

d) Bên ký quỹ chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có quyết định đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Thời gian hưởng lãi theo quy định: Chậm nhất sau 03 ngày làm việc tính từ thời điểm đơn vị nộp tiền ký quỹ đến hết ngày kết thúc dự án theo Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 10. Sử dụng tiền ký quỹ

1. Quỹ BVMTQN không sử dụng tiền ký quỹ để cho vay và thực hiện các mục đích khác ngoài quy định tại quy chế này và Thông tư 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Sử dụng tiền lãi từ gửi tiền ký quỹ:

a) Toàn bộ tiền lãi gửi ngân hàng từ gửi tiền ký quỹ được hạch toán vào doanh thu hoạt động nghiệp vụ của Quỹ BVMTQN;

b) Toàn bộ tiền lãi ký quỹ phải trả cho bên ký quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường.

3. Hoàn trả tiền ký quỹ:

a) Việc hoàn trả tiền ký quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Quỹ BVMTQN sẽ hoàn trả tiền ký quỹ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn không quá 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản và hồ sơ liên quan kèm theo.

Chương IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Doanh thu của Quỹ BVMTQN

Doanh thu của Quỹ BVMTVN là các khoản phải thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay từ các dự án cho vay vốn của Quỹ BVMTQN;
 - b) Thu phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác;
 - c) Thu hoạt động nghiệp vụ khác.
2. Thu từ hoạt động tài chính:
 - a) Thu lãi tiền gửi vốn nhàn rỗi;
 - b) Các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.
3. Các khoản thu khác:
 - a) Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định của Quỹ BVMTQN;
 - b) Thu bảo hiểm đền bù tổn thất tài sản;
 - c) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;
 - d) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chi phí của Quỹ BVMTQN

Chi phí của Quỹ BVMTQN là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật, bao gồm;

1. Chi cho bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ:
 - Chi tiền lương, phụ cấp lương theo chế độ lương của Nhà nước.
 - Chi BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, đóng kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định.
 - Chi trang phục giao dịch, chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định.
 - Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và các cán bộ giúp việc cho Hội đồng quản lý Quỹ, Chi hợp Hội đồng quản lý Quỹ, Chi đọc và nghiên cứu hồ sơ dự án và họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự án (Nội dung này giao Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh quy định mức chi cụ thể).
 - Chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng.
 - Chi thanh toán các dịch vụ công cộng.
 - Chi thông tin tuyên truyền, quảng cáo; chi thiết kế và quản lý trang tin, website của Quỹ; chi tổ chức họp báo; chi phí giao dịch, cước phí bưu

chính, đối ngoại trong phạm vi kế hoạch tài chính được duyệt.

- Chi hội nghị, hội thảo.
- Chi công tác phí.
- Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động, chuyên gia trong và ngoài nước).
- Chi cho việc thanh tra, kiểm tra theo quy định.
- Các khoản chi khác theo quy định.

2. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi phí huy động vốn.
- Chi trả tiền lãi cho các tổ chức, cá nhân đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.
- Chi phí dịch vụ thanh toán.
- Chi phí ủy thác.
- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro.
- Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, kiểm tra, thu hồi nợ đối với các dự án đầu tư, chương trình có sử dụng vốn của Quỹ.
- Chi cho hoạt động mua, bán trái phiếu.
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.
- Chi phí thu các khoản phạt theo quy định.
- Các chi phí nghiệp vụ khác theo quy định.
- Các khoản nộp thuế theo quy định pháp luật.

3. Các khoản chi phí khác:

Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ BVMTQN theo quy định của Nhà nước;

Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý nhượng bán;

Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;

Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này được áp dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công và theo quy định tại quy chế này; văn bản khác liên quan (nếu có). Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Giám đốc Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

Điều 13. Chênh lệch thu, chi

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ BVMTQN là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong năm tài chính theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 quy chế này.

2. Chênh lệch thu chi trong năm là dương (+) khi doanh thu lớn hơn chi phí và ngược lại, chênh lệch thu chi trong năm là âm (-) khi doanh thu nhỏ hơn chi phí.

Điều 14. Phân phối chênh lệch thu chi

1. Khi chênh lệch thu, chi là dương (+), sau khi hoạch toán khoản phải nộp theo quy định và bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm lũy kế đến năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

- a) Trích lập bổ sung vốn hoạt động: Trích tối thiểu 20%.
- b) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 30%;
- c) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.
- d) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi:
 - Trường hợp hoàn thành kế hoạch hoạt động năm do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt vào đầu năm, Quỹ BVMTQN được trích hai quỹ trên tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm;
 - Trường hợp không hoàn thành kế hoạch hoạt động năm do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hàng năm, Quỹ BVMTQN được trích hai quỹ trên tối đa bằng 02 tháng lương thực hiện trong năm.
- đ) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- e) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Sử dụng các Quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

b) Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác;

c) Quỹ khen thưởng: Để thưởng cuối năm, thưởng định kỳ, thưởng đột

xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công quyết định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

d) Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của đơn vị; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện;

đ) Quỹ khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư, mua sắm, góp vốn liên doanh, liên kết phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công; pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan./.